

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5804 /UBND-NC

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 7 năm 2016

V/v góp ý dự thảo Tờ trình,
dự thảo Thông tư của Bộ Tư pháp

SỔ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
ĐẾN	Số: 2373
	Ngày: 28/7/2016
Chuyển:	

Kính gửi:

- Giám đốc Sở Tư pháp;
- Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan.

Thực hiện Công văn số 2320/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 13/7/2016 của Bộ Tư pháp, về việc góp ý dự thảo Tờ trình, dự thảo Thông tư quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính (có văn bản kèm theo); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức lấy ý kiến đóng góp vào các Dự thảo, theo Công văn số 2320/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL nói trên; báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tư pháp và UBND tỉnh trong thời gian qui định ./.

Nơi nhận:

- Như trên ;
- CT, PCT UBND tỉnh ;
- Các Sở ngành ở tỉnh:
NV, TC, TTTT;
- VP UBND tỉnh: Lđ VP ;
Các P: KT, TH;
- Lưu: VT, NCm.18

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Tiến Dũng

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 232/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2016

V/v góp ý dự thảo Tờ trình, dự thảo Thông tư quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

Số: 232/

21-07-2016

Kính gửi: UBND tỉnh Bắc Ninh

Để triển khai Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp đã tiến hành xây dựng dự thảo Thông tư quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi tắt là dự thảo Thông tư), dự kiến ban hành trong tháng 12/2016.

Nhằm tiếp tục hoàn thiện dự thảo Thông tư nói trên, Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu và đóng góp ý kiến bằng văn bản về dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông tư. Ý kiến góp ý xin gửi về Bộ Tư pháp (qua Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật) trước ngày 04/08/2016 để Bộ Tư pháp nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo văn bản.

Nếu sau thời hạn nói trên, Bộ Tư pháp không nhận được văn bản góp ý của Quý Cơ quan thì Bộ Tư pháp hiểu rằng, Quý Cơ quan đã hoàn toàn nhất trí với nội dung dự thảo Thông tư.

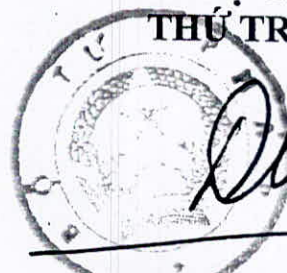
Xin trân trọng cảm ơn.

(Xin gửi kèm theo Công văn này dự thảo Tờ trình, dự thảo Thông tư quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Cục QLXLVPHC&TDTHPL(2b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đinh Trung Tụng

Số: /TTr-CSDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Dự thảo
Ngày 08/7/2016

TỜ TRÌNH

V/v ban hành Thông tư quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

Kính gửi: Bộ trưởng Lê Thành Long

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 6 Điều 10; khoản 3 Điều 16; điểm a và điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi là Nghị định số 20/2016/NĐ-CP), Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật (Cục QLXLVPHC&TDTHPL) đã xây dựng dự thảo Thông tư quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi là dự thảo Thông tư). Qua quá trình nghiên cứu, xây dựng, Cục QLXLVPHC&TDTHPL xin kính trình Lãnh đạo Bộ dự thảo Thông tư với những nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở pháp lý

Ngày 30/03/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 20/2016/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2016. Tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP quy định Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm quy định cụ thể quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; khoản 3 Điều 16 Nghị định cũng quy định Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm quy định cụ thể việc khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Bên cạnh đó, theo điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP, Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn thống nhất quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định này.

2. Cơ sở thực tiễn

Tại Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ có xác định xây dựng thí điểm Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, phần mềm quản lý thông tin về xử lý vi phạm hành chính tại một số cơ quan Trung ương và địa phương trong năm 2017 – 2018 là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2018. Ngay sau khi Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tư pháp sẽ tiến hành triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo đúng lộ trình được xác định trong Đề án.

Mặt khác, hiện nay, xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính là một trong những nhiệm vụ hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ tại Việt Nam, do đó, nhằm tránh khỏi những bất cập, vướng mắc không cần thiết trong hoạt động quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính thì cần có những quy định chi tiết về quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Từ các lý do trên cho thấy, để việc triển khai thực hiện các văn bản nêu trên bảo đảm đạt hiệu quả cao và để có cơ sở pháp lý kịp thời cho việc thực hiện thống nhất quá trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin cũng như việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được xây dựng và đi vào hoạt động trên thực tế thì việc ban hành Thông tư quy định chi tiết về quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính là hoàn toàn cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC SOẠN THẢO THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư được soạn thảo trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo sau:

1. Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013, phù hợp với Luật XLVPHC, Luật Công nghệ thông tin, Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, các Nghị định quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đồng thời bám sát Nghị định số 20/2016/NĐ-CP.

2. Quy định cụ thể quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

3. Quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan nhà nước và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, bộ phận có liên quan trong quá trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

4. Nội dung Thông tư phải đảm bảo tính khả thi, cụ thể, bảo đảm phù hợp với thực tế để sau khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được xây dựng có thể vận hành ngay, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện thống nhất quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Để xây dựng Thông tư, Cục QLXLVPHC&TDTHPL đã tiến hành một số hoạt động cụ thể:

- Rà soát Luật XLVPHC 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Nghị định số 20/2016/NĐ-CP cũng như các văn bản hiện hành khác có liên quan đến quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính. Trên cơ sở đó, Cục QLXLVPHC&TDTHPL đã xây dựng dự thảo Thông tư trên tinh thần quy định chi tiết, cụ thể một số nội dung được quy định trong Nghị định số 20/2016/NĐ-CP.

Ngày2016, Cục QLXLVPHC&TDTHPL đã có Công văn số gửi ... Bộ, cơ quan ngang Bộ, ... Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 06 đơn vị thuộc Bộ Tư pháp gồm: Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Văn phòng Bộ, Cục Công nghệ thông tin, Vụ Kế hoạch tài chính, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính và Vụ Pháp luật hình sự - hành chính đề nghị cho ý kiến đối với dự thảo Tờ trình, dự thảo Thông tư. Đồng thời, đăng tải dự thảo Thông tư lên cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để lấy ý kiến nhân dân.

Ngày2016, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật đã tổ chức cuộc họp tư vấn thẩm định đối với dự thảo Thông tư, có Báo cáo kết quả thẩm định số

Về cơ bản, các ý kiến thẩm định, góp ý đều nhất trí với sự cần thiết ban hành và nội dung chính của dự thảo Tờ trình, dự thảo Thông tư. Trên cơ sở ý kiến tư vấn thẩm định, các ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương, Cục QLXLVPHC&TDTHPL đã chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Thông tư trình Bộ trưởng.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bố cục của dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 3 Chương, 22 điều:

Chương I. Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 5);

Chương II. Những quy định cụ thể, gồm 3 mục (từ Điều 6 đến Điều 20), trong đó:

+ Mục 1 – Cung cấp, tiếp nhận thông tin về xử lý vi phạm hành chính (từ Điều 6 đến Điều 8);

+ Mục 2 – Cập nhật, đính chính, bổ sung, hiệu chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính (từ Điều 9 đến Điều 14);

+ Mục 3 – Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính (từ Điều 15 đến Điều 20);

Chương III. Tổ chức thực hiện (từ Điều 21 đến Điều 22).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư

2.1. Chương I. Những quy định chung

Chương này xác định phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng của Thông tư; nguyên tắc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và thông tin về xử lý vi phạm hành chính được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Đặc biệt, trên tinh thần nhằm: (1) bảo đảm quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin trong thực tế được thực hiện thống nhất, liên tục; (2) bảo đảm hiệu quả quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; (3) bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và (4) bảo đảm bảo mật các dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong cơ sở dữ liệu, tại Điều 4 Thông tư còn quy định các hành vi không được thực hiện trong quá trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính. Theo đó, các hành vi không được thực hiện bao gồm: (i) Hành vi quy định tại Điều 6 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP; (ii) Không thực hiện, trì hoãn thực hiện việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin theo quy định; (iii) Cố ý làm thất lạc dữ liệu; (iv) Làm lộ phương thức kết nối, địa chỉ và mã khoá truy nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính đã được cấp; (v) Khai thác dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính ngoài phạm vi các trường thông tin được chia sẻ và (vi) Cung cấp, chia sẻ thông tin khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính cho tổ chức, cá nhân khác.

2.2. Chương II. Những quy định cụ thể

Chương này quy định chi tiết về cung cấp, tiếp nhận thông tin về xử lý vi phạm hành chính; cập nhật, đính chính, bổ sung, hiệu chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, cụ thể:

a) Về nhập mới thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

Điều 10 Thông tư quy định việc nhập mới đối với các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính. Đây là các thông tin có sẵn tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình. Do đó, Thông tư quy định, sau khi kiểm tra thông tin trong tài liệu về xử lý vi phạm hành chính, bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin tiến hành nhập mới thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính. Để bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và không bị trùng lặp thông tin, Thông tư quy định cán bộ được phân công hoặc người đứng đầu bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin duyệt thông tin vào cơ sở dữ liệu phải tiến hành kiểm tra lại thông tin một lần nữa, nếu thông tin đã chính xác thì tiến hành duyệt thông tin vào cơ sở dữ liệu. Ngược lại, nếu phát hiện thông tin có sai sót hoặc chưa rõ thì đề nghị các cơ quan quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này bổ sung hoặc làm rõ thông tin trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc và tiến hành duyệt thông tin vào cơ sở dữ liệu sau khi nhận được thông tin bổ sung hoặc làm rõ.

Ngoài ra, để bảo đảm tính kịp thời về dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu, Thông tư quy định: thời hạn nhập mới thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính là 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra thông tin theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

b) Về cập nhật, bổ sung thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

Nhằm phân biệt với việc nhập mới thông tin, tại Điều 11 Thông tư quy định việc cập nhật đối với các thông tin quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính. Khác với các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 5, thông tin quy định khoản 2 Điều 5 là các thông tin cần được tiếp tục theo dõi và cập nhật trong quá trình thi hành các Quyết định xử lý vi phạm hành chính. Do đó, Điều 11 Thông tư quy định sau khi tiến hành kiểm tra thông tin trong tài liệu về xử lý vi phạm hành chính, bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin tiến hành cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính. Các bước còn lại sau khi cập nhật thông tin tương tự như đối với việc nhập mới thông tin quy định tại Điều 10 Thông tư này.

c) Những trường hợp không cung cấp dữ liệu đối với yêu cầu khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính bằng văn bản

Nhằm bảo đảm hiệu quả quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và bảo đảm bảo mật các dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong cơ sở dữ liệu, tại Điều 19 Thông tư có quy định các trường hợp không cung cấp dữ liệu đối với yêu cầu khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính bằng văn bản, bao gồm: (1) Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính không nêu rõ lý do, phạm vi, mục đích, nội dung thông tin cần cung cấp và hình thức cung cấp thông tin; (2) Yêu cầu cung

cấp thông tin thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật và Mật; (3) Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính không có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền hoặc người đứng đầu tổ chức và đóng dấu xác nhận đối với cơ quan, tổ chức hoặc không có chữ ký, họ tên, số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu và địa chỉ cụ thể của cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin; (4) Mục đích sử dụng thông tin về xử lý vi phạm hành chính không phù hợp với quy định của pháp luật; (5) Thông tin đã được cung cấp hai lần theo yêu cầu của tổ chức bị xử phạt hoặc cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính và (6) Tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính không thực hiện việc nộp phí và trả chi phí cho việc cung cấp thông tin theo quy định.

d) Về phí và chi phí phải trả cho việc yêu cầu cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính bằng văn bản

Tại điểm d khoản 2 Điều 16 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP quy định: “Tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính được cung cấp thông tin về việc xử lý vi phạm hành chính của mình khi có đơn đề nghị và phải trả phí theo quy định”. Do vậy, để tạo cơ sở pháp lý cho việc xác định định mức thu phí, chi phí cho việc cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính bằng văn bản đối với nhóm đối tượng này, tại Điều 20 Thông tư quy định: tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính yêu cầu cung cấp thông tin về việc xử lý vi phạm hành chính của mình phải trả phí và chi phí cung cấp thông tin. Mức phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được xác định theo quy định của Bộ Tài chính còn mức chi phí cung cấp thông tin bao gồm chi phí để in, sao chụp tài liệu và chi phí gửi tài liệu bằng dịch vụ bưu chính (nếu có) được xác định theo mức do cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính quy định.

2.3. Chương III. Tổ chức thực hiện

Chương này quy định hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành của các cơ quan, đơn vị liên quan.

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật kính trình Bộ trưởng xem xét, ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Đinh Trung Tụng (để b/c);
- Lưu: VT, Cục QLXLVPHC&TDTHPL.

CỤC TRƯỞNG

Đặng Thanh Sơn

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2016/TT-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Dự thảo 2

Ngày 08/7/2016

THÔNG TƯ

Quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/3/2013 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật,

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.
2. Cơ quan thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
3. Cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
4. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
5. Cơ quan thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

6. Cơ quan quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính.

7. Đối tượng khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 16 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 20/2016/NĐ-CP).

Điều 3. Nguyên tắc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

Ngoài những nguyên tắc được quy định tại Điều 4 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP, việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Thông tin được cung cấp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính phải bảo đảm tính chính xác, đầy đủ.

2. Việc cập nhật thông tin vào và cung cấp thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính phải kịp thời, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

3. Việc cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính thông qua phương tiện điện tử được thực hiện bằng tài khoản quản trị do cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính cấp.

Điều 4. Những hành vi không được thực hiện

Trong quá trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, các đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này không được thực hiện những hành vi sau:

1. Hành vi quy định tại Điều 6 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP.

2. Không thực hiện, trì hoãn thực hiện việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin theo quy định.

3. Cố ý làm thất lạc dữ liệu.

4. Làm lộ phương thức kết nối, địa chỉ và mã khoá truy nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính đã được cấp.

5. Khai thác dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính ngoài phạm vi các trường thông tin được chia sẻ.

6. Cung cấp, chia sẻ thông tin khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 5. Thông tin về xử lý vi phạm hành chính được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Những thông tin được nhập mới vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, bao gồm:

a) Thông tin về: Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính; Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Đối tượng áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình;

b) Số, ngày, tháng, năm ban hành: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

c) Hành vi vi phạm; Hình thức xử phạt, mức phạt; Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

d) Hành vi vi phạm; Biện pháp xử lý hành chính bị áp dụng; Thời hạn áp dụng;

đ) Lý do áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình; Thời hạn áp dụng, ngày thi hành Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

e) Tên tổ chức, cá nhân phối hợp giám sát người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế;

g) Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, chức danh của người ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Cơ quan hoặc cơ quan của người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Cơ quan của người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình, chức danh của người ra Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình.

2. Những thông tin được cập nhật bổ sung vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, bao gồm:

a) Hoàn thi hành quyết định phạt tiền; Tạm đình chỉ thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có);

b) Giảm, miễn tiền phạt; Nộp tiền phạt nhiều lần (số tiền đã nộp phạt, số tiền chưa nộp phạt (nếu có));

c) Cường chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có);

d) Thời điểm chấp hành xong: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

đ) Hoàn, miễn; Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

e) Thời điểm chấm dứt áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình (nếu có); Lý do của việc chấm dứt; biện pháp xử lý tiếp theo;

g) Khiếu nại, khởi kiện: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có); Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (nếu có); Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình (nếu có);

h) Kiến nghị, kháng nghị Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (nếu có).

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

CUNG CẤP, TIẾP NHẬN THÔNG TIN VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 6. Trách nhiệm cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính

1. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại các điểm a, b, c và g Khoản 1, các điểm a, b, d và g Khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Cơ quan thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại các điểm a, b, và d Khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

3. Cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại các điểm c và d Khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

4. Cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại các điểm a, b, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

5. Cơ quan thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại các điểm d, đ, e, g và h Khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Thời hạn cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính

1. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định xử phạt hành chính hoặc Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình, các cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này phải cung cấp thông tin cho bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin của cơ quan mình.

2. Đối với vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn, thời gian cung cấp thông tin về xử phạt vi phạm hành chính cho bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin được kéo dài hơn nhưng không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ

ngày ban hành Quyết định xử phạt hành chính hoặc Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

3. Trường hợp thu tiền phạt tại chỗ hoặc xử phạt trên biển, người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm cung cấp thông tin cho bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin của cơ quan trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nộp tiền phạt đã thu được tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước hoặc tại cơ quan, tổ chức được Kho bạc Nhà nước ủy quyền.

Điều 8. Trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra và thời hạn kiểm tra thông tin về xử lý vi phạm hành chính

1. Cán bộ được phân công hoặc bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này (sau đây gọi chung là bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin) có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra thông tin về xử lý vi phạm hành chính.

2. Việc kiểm tra thông tin về xử lý vi phạm hành chính phải thực hiện theo trình tự như sau:

a) Bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin về xử lý vi phạm hành chính trên cơ sở bảo đảm tính chính xác, toàn vẹn của văn bản, tài liệu được tiếp nhận để tránh trùng lặp thông tin, tài liệu tiếp nhận.

b) Khi phát hiện thông tin còn thiếu hoặc chưa rõ ràng thì đề nghị cơ quan đã cung cấp thông tin quy định tại Điều 6 Thông tư này bổ sung hoặc làm rõ thông tin.

3. Thời hạn kiểm tra thông tin về xử lý vi phạm hành chính là 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin cung cấp từ các cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Mục 2

CẬP NHẬT, ĐÍNH CHÍNH, BỔ SUNG, HIỆU CHỈNH THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 9. Trách nhiệm cập nhật, đính chính, bổ sung và hiệu chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin của các cơ quan quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư này có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với những cơ quan tổ chức bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin độc lập, Thủ trưởng cơ quan phải phân công 01 (một) cán bộ phụ trách để phân công công việc và duyệt thông tin đưa vào cơ sở dữ liệu.

3. Thủ trưởng các cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này quyết định việc đính chính, bổ sung thông tin trong Cơ sở dữ liệu khi phát hiện có sự sai sót, nhầm lẫn về dữ liệu hoặc còn thiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

4. Việc hiệu chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính do Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính thực hiện trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 10. Nhập mới thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Sau khi kiểm tra thông tin trong tài liệu về xử lý vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này, bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin tiến hành nhập mới thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

2. Cán bộ được phân công hoặc người đứng đầu bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin tiến hành kiểm tra thông tin trong tài liệu về xử lý vi phạm hành chính, nếu thông tin là chính xác thì duyệt thông tin vào cơ sở dữ liệu.

3. Trường hợp phát hiện thông tin có sai sót hoặc chưa rõ thì cán bộ được phân công hoặc người đứng đầu bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin đề nghị các cơ quan quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này bổ sung hoặc làm rõ thông tin, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc. Sau khi nhận được thông tin bổ sung hoặc làm rõ thì duyệt thông tin vào cơ sở dữ liệu.

4. Thời hạn nhập mới thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính là 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra thông tin theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

5. Sau khi nhập mới thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin thực hiện lưu tài liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 11. Cập nhật, bổ sung thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Sau khi kiểm tra thông tin trong tài liệu về xử lý vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư này, bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin tiến hành cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

2. Cán bộ được phân công hoặc người đứng đầu bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin tiến hành kiểm tra thông tin trong tài liệu về xử lý vi phạm hành chính, nếu thông tin là chính xác thì duyệt thông tin vào cơ sở dữ liệu.

3. Trường hợp phát hiện thông tin có sai sót hoặc chưa rõ thì cán bộ được phân công hoặc người đứng đầu bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin đề nghị các cơ quan quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này bổ sung hoặc làm rõ thông tin trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc. Sau khi nhận được thông tin bổ sung hoặc làm rõ thì duyệt thông tin vào cơ sở dữ liệu.

4. Thời hạn cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính là 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra thông tin theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

5. Sau khi cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin thực hiện lưu tài liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 12. Kiểm tra dữ liệu điện tử trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Việc kiểm tra dữ liệu điện tử trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện như sau:

- a) Định kỳ vào tuần làm việc cuối hàng tháng;
- b) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện có sai lệch, sai sót, nhầm lẫn hoặc còn thiếu thông tin so với hồ sơ, tài liệu về xử lý vi phạm hành chính.

2. Cán bộ được phân công hoặc người đứng đầu bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin có trách nhiệm kiểm tra dữ liệu điện tử trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

3. Trường hợp phát hiện có sai lệch hoặc sai sót, nhầm lẫn về dữ liệu hoặc còn thiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính thì trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện, cán bộ được phân công hoặc người đứng đầu bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan bằng văn bản để xử lý.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi nhận được báo cáo của bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin, Thủ trưởng cơ quan phải có văn bản xác định thông tin chính xác hoặc văn bản xác nhận về sự sai sót, nhầm lẫn dữ liệu hoặc còn thiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 13. Đính chính, bổ sung thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được đính chính, bổ sung trong trường hợp có xác nhận bằng văn bản của Thủ trưởng cơ

quan quy định tại Điều 6 Thông tư này về sự sai sót, nhầm lẫn về dữ liệu hoặc còn thiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

2. Thủ trưởng cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này quyết định nội dung đính chính hoặc thông tin bổ sung thuộc trách nhiệm cung cấp của cơ quan mình.

Cán bộ được phân công hoặc người đứng đầu bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin có trách nhiệm thực hiện việc đính chính, bổ sung thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

3. Việc đính chính hoặc bổ sung thông tin được thực hiện trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Thủ trưởng cơ quan quyết định nội dung đính chính hoặc thông tin bổ sung.

4. Các tài liệu có liên quan đến việc đính chính, bổ sung thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được lưu theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 14. Hiệu chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được hiệu chỉnh trong trường hợp có văn bản xác định thông tin chính xác của Thủ trưởng cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này từ hồ sơ, tài liệu lưu trữ về xử lý vi phạm hành chính.

2. Thủ trưởng cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này phải tiến hành truy nguyên thông tin gốc về xử lý vi phạm hành chính trên tài liệu lưu trữ thuộc trách nhiệm cung cấp của cơ quan mình để xác định thông tin chính xác.

3. Việc hiệu chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo một trong hai cách sau:

a) Cán bộ được phân công hoặc người đứng đầu bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin thực hiện việc hiệu chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quyết định của Thủ trưởng cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này.

b) Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính thực hiện việc hiệu chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo văn bản đề nghị của Thủ trưởng cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này.

4. Việc hiệu chỉnh thông tin được thực hiện trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Thủ trưởng cơ quan đã xác định thông tin chính xác trong tài liệu về xử lý vi phạm hành chính.

5. Các tài liệu có liên quan đến việc hiệu chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được lưu theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Mục 3

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản trong việc khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm:

1. Cung cấp thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này khi được yêu cầu và bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Bảo đảm và hỗ trợ cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này kết nối, tích hợp dữ liệu, truy nhập thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được thuận tiện và bảo đảm cho các đối tượng quy định khoản 1 Điều 17 Thông tư này truy nhập, tra cứu dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được thuận tiện;

3. Bảo đảm cập nhật thường xuyên, kịp thời, tính chính xác của dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

4. Bảo đảm có công cụ tìm kiếm dữ liệu dễ sử dụng;

5. Bảo đảm khuôn dạng dữ liệu theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để hiển thị nhanh chóng;

6. Tiếp nhận và xử lý thông tin về những sai sót, nhầm lẫn của dữ liệu hoặc thiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính do các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 17 và khoản 1 Điều 18 Thông tư này cung cấp;

7. Trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do đối với các trường hợp từ chối việc kết nối, tích hợp dữ liệu, truy nhập thông tin hoặc từ chối việc truy nhập, tra cứu thông tin trực tuyến hoặc từ chối cung cấp thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

8. Thu phí và chi phí cung cấp thông tin đối với tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 16. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính thông qua kết nối mạng máy tính

1. Thủ trưởng cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành gửi văn bản đề nghị kết nối, tích hợp dữ liệu, truy nhập thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tới cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

2. Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính xem xét văn bản đề nghị kết nối, tích hợp dữ liệu, truy nhập thông tin của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản.

Nếu đủ điều kiện thì trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc phải có văn bản đồng ý kết nối, trong đó xác định rõ phương thức kết nối, tích hợp dữ liệu và số lượng trường thông tin chia sẻ.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc sau khi có văn bản đồng ý, Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính cấp tài khoản cho cơ quan quản lý dữ liệu chuyên ngành và thực hiện các biện pháp kỹ thuật để cho phép kết nối, tích hợp dữ liệu, truy nhập thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo nội dung đã xác định trong văn bản.

3. Cơ quan quản lý dữ liệu chuyên ngành được cấp quyền kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về việc khai thác, sử dụng thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

b) Kết nối đúng phương thức, đúng địa chỉ, mã khoá do cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính cung cấp;

c) Khai thác dữ liệu trong phạm vi các trường thông tin được chia sẻ;

d) Sử dụng dữ liệu đúng mục đích;

đ) Quản lý nội dung các dữ liệu khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

e) Phối hợp với cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính trong việc phát hiện những sai sót, nhầm lẫn của dữ liệu hoặc thiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

g) Bảo mật tài khoản được cấp.

Điều 17. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính thông qua tra cứu thông tin trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử

1. Cá nhân, tổ chức gửi văn bản đề nghị được truy nhập, tra cứu thông tin trực tuyến về xử lý vi phạm hành chính trên Cổng thông tin điện tử tới cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

2. Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính xem xét văn bản đề nghị được truy nhập, tra cứu thông tin trực tuyến trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản.

Nếu đủ điều kiện thì trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc phải có văn bản đồng ý, trong đó xác định rõ phạm vi, thời hạn được truy nhập, tra cứu thông tin trực tuyến về xử lý vi phạm hành chính trên Cổng thông tin điện tử.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc sau khi có văn bản đồng ý, cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính cấp tài khoản cho cá nhân, tổ chức đề nghị để thực hiện truy nhập, tra cứu thông tin trực tuyến theo nội dung đã xác định trong văn bản.

3. Cá nhân, tổ chức được cấp tài khoản truy nhập, tra cứu thông tin trực tuyến về xử lý vi phạm hành chính trên Cổng thông tin điện tử có trách nhiệm:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về việc khai thác, sử dụng thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

b) Truy nhập đúng địa chỉ, mã khoá do cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính cung cấp;

c) Khai thác dữ liệu trong phạm vi được cho phép, không được sao chép dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính dưới bất kỳ hình thức nào;

d) Sử dụng dữ liệu đúng mục đích;

đ) Quản lý nội dung các dữ liệu khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

e) Thông báo kịp thời cho cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính về những sai sót của dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

g) Bảo mật tài khoản được cấp.

Điều 18. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính bằng văn bản yêu cầu

1. Các cơ quan quyền lực nhà nước thực hiện chức năng giám sát công tác xử lý vi phạm hành chính, tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính gửi văn bản đề nghị được cung cấp thông tin tới cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Trong văn bản phải nêu rõ lý do, phạm vi, mục đích, nội dung thông tin cần được cung cấp và hình thức cung cấp thông tin.

Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính xem xét văn bản đề nghị được cung cấp thông tin trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản.

Nếu đủ điều kiện thì trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc phải có văn bản cung cấp thông tin. Trong trường hợp phức tạp, cần phải phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác thì thời hạn này có thể kéo dài, nhưng không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính bằng văn bản quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về việc khai thác và sử dụng thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

b) Quản lý nội dung thông tin được cung cấp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính. Không được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác trừ trường hợp đã được thỏa thuận, cho phép bằng văn bản của cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

c) Sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính đúng mục đích. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc sử dụng thông tin được cung cấp;

d) Thông báo kịp thời cho cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính về những sai sót của thông tin được cung cấp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

e) Tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính phải trả phí và chi phí yêu cầu cung cấp thông tin của mình theo quy định.

Điều 19. Những trường hợp không cung cấp dữ liệu đối với yêu cầu khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính bằng văn bản

1. Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính không nêu rõ lý do, phạm vi, mục đích, nội dung thông tin cần cung cấp và hình thức cung cấp thông tin.

2. Yêu cầu cung cấp thông tin thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật và Mật.

3. Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính không có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền hoặc người đứng đầu tổ chức và đóng dấu xác nhận đối với cơ quan, tổ chức hoặc không có chữ ký, họ tên, số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu và địa chỉ cụ thể của cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin.

4. Mục đích sử dụng thông tin về xử lý vi phạm hành chính không phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Thông tin đã được cung cấp hai lần theo yêu cầu của tổ chức bị xử phạt hoặc cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính.

6. Tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính không thực hiện việc nộp phí và trả chi phí cho việc cung cấp thông tin theo quy định.

Điều 20. Phí và chi phí phải trả cho việc yêu cầu cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính bằng văn bản

1. Tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính yêu cầu cung cấp thông tin về việc xử lý vi phạm hành chính của mình phải trả phí và chi phí cung cấp thông tin.

2. Mức phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Mức chi phí cung cấp thông tin do cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính quy định, bao gồm các khoản sau:

a) Chi phí để in, sao chụp tài liệu;

b) Chi phí gửi tài liệu bằng dịch vụ bưu chính (nếu có).

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2017.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp (qua Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó TTg CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Công báo;
- Lưu: VT, Cục QLXLVPHC&TDTHPL (5b).

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long